TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/KDTM -ST
Ngày: 27 – 7 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh H
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thanh T
2. Ông Thái Hoàn X

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành V – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố X.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố X tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệu H – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLST - KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 630/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Dược phẩm E; Trụ sở: Km 14, Quốc lộ 1A, đường Ngọc Hồi, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp.Hà Nội; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trịnh Thị Quỳnh H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Chung cư An Gia – Skyline; Số 89 Lê Thị Chợ, phường Phú Mỹ, Quận 7 (theo GUQ số 1905/2023, ngày 19/5/2023).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T; Trụ sở: 194 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Tp.HCM; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đình Huy – giám đốc.

(Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trịnh Thị Quỳnh Hương trình bày:

Vào ngày 23/03/2022, giữa Công ty cổ phần Dược phẩm E (gọi tắt là Công ty El) và Công ty TNHH T (Công ty T) có ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 0322/ELA-TITAN cùng kèm Phụ lục 01 (đính kèm thông tin về giá, số lượng, thời gian giao hàng, công nợ,..). Số lượng hàng hóa sẽ được thể hiện cụ thể trong đơn đặt hàng của Công ty T. Ngày 23/03/2022 Công ty T có đặt đơn hàng với mã số T010322 bao gồm: Bình xịt mũi D'Fance người lớn và Bình xịt mũi D'Fance trẻ em với số lượng 10.000 chai (bằng chữ: mười nghìn) mỗi loại; đơn hàng có giá trị dự kiến tổng cộng: 200.880.000vnđ (bằng chữ: Hai trăm triệu tám trăm tám mươi nghìn Việt Nam đồng./.). Thỏa thuận giao hàng chia làm hai đợt, thanh toán sau khi nhận hàng: Đợt 1: Ngày 01/04/2022 giao 9000 chai D'Fance người lớn và 6.500 chai D'Fance trẻ em; Đợt 2: Vào tuần 2 tháng 04/2022 giao 1000 chai D'Fance người lớn và 3.500 chai D'Fance trẻ em.

Vào ngày 31/03/2022, Công ty E đã hoàn thành giao hàng đợt 1 có biên bản bàn giao được đại diện hai bên ký xác nhận và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000276 phát hành vào ngày 31/03/2022 với số tiền là 155.682.000 đồng Lần giao hàng đợt 2 Công ty Titan xin không giao hàng nữa và không có lý do. Theo như thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng số 0322/ELA-T thì tiến độ thanh toán là 30 ngày. Tuy nhiên từ ngày xuất hóa đơn giao hàng là ngày 31/03/2022 thì hạn cuối Công ty T phải thanh toán là 30/4/2022 nhưng Công ty T không thực hiện đúng thỏa thuận. Do đó ngày 22/06/2022 Công ty E đã ra công văn số 226/CV-E-T yêu cầu khách hàng thanh toán khoản nợ đã quá hạn công nợ 53 ngày so với hạn thanh toán. Công ty T đã xin gia hạn thêm 13 ngày và chúng tôi đã tạo điều kiện cho Công ty T có thêm thời gian nhưng đến ngày 05/07/2022 (tức 13 ngày sau) vẫn chưa thấy Công ty T có phản hồi. Ngày 05/7/2022 chúng tôi tiếp tục có công văn số 057/CV-E-Tyêu cầu lần cuối cùng Công ty T hoàn thành nghĩa vụ thanh toán chậm quá hạn 66 ngày cho Công ty chúng tôi nhưng vẫn không nhận được sự phản hồi nào từ phía Công ty T. Công ty TNHH T Group đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận chậm quá hạn 403 ngày tính đến thời điểm hiện tại ngày 08/06/2023.

Do đó Công ty E yêu cầu Tòa án tuyên buộc: Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cổ phần Dược phẩm E số tiền là 155.682.000 (Một trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn) đồng và tiền lãi chậm thanh toán

theo mức quy định của ngân hàng là 12%/năm, thời gian tạm tính từ ngày 01/05/2022 đến ngày 08/6/2023 với số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu tạm tính là 175.682.000 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa hôm nay cũng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173 của Bộ luật Tố tụng sân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện 23/03/2022, giữa Công ty cổ phần Dược phẩm E (gọi tắt là Công ty E) và Công ty TNHH Ti (Công ty T) có ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 0322/E-T cùng kèm Phụ lục 01 (đính kèm thông tin về giá, số lượng, thời gian giao hàng, công nợ,..). Theo đơn đặt hàng của Công ty T thì Công ty E đã giao hàng đợt 1 có biên bản bàn giao được đại diện hai bên ký xác nhận và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000276 phát hành vào ngày 31/03/2022 với số tiền là 155.682.000 đồng. Sau đó lần 2 Công ty T không yêu cầu giao hàng nữa. Theo thỏa thuận hợp đồng thì thời hạn để Công ty T thanh toán công nợ 30 ngày, tuy nhiên đến hạn thanh toán là 30/4/2022 nhưng Công ty Titan vẫn không thanh toán. Sau đó Công ty E đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán, Công ty Titan đã nhận và phản hồi xin gia hạn thời gian trả nhưng Công ty T vẫn không thực hiện đúng cam kết. Do đó có cơ sở xác nhận Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là gây ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy việc Công ty E yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán với mức lãi suất 12%/năm là có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2022 của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 0322/E-T thì giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bên mua trong Hợp đồng là Công ty TNHH T có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Tân Phú nên Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục kinh doanh thương mại là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa có ghi rõ ngày đưa vụ án ra xét xử lần hai đến địa chỉ trụ sở Công ty TNHH T và địa chỉ cư ngụ của đại diện theo pháp luật của công ty để thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Titan Group vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH T.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét, Công ty cổ phần Dược phẩm E yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán số tiền gốc còn thiếu là 155.682.000 đồng:

Căn cứ lời khai của đại diện nguyên đơn, căn cứ vào hợp đồng mua bán được ký ký kết giữa hai bên, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 00000276 phát hành vào ngày 31/03/2022 có ký nhận của hai bên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định giữa Công ty E và Công ty T có việc mua bán sản phẩm Bình xịt mũi D’Fance người lớn và Bình xịt mũi D’Fance trẻ em với số tiền là 155.682.000 đồng. Tại Điều 2 Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 0322/E-T thỏa thuận việc thanh toán công nợ là 30 ngày, tuy nhiên quá thời hạn nêu trên Công ty T vẫn không thực hiện. Nhiều lần Công ty E đã gửi công văn yêu cầu thanh toán tiền nợ, Công ty T có xin gia hạn thanh toán nhưng hết thời hạn vẫn không thanh toán cho Công ty E. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở để xác nhận hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số

tiền mua sản phẩm Bình xịt mũi D'Fance người lớn và Bình xịt mũi D'Fance trẻ em là 155.682.000 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 50 của Luật Thương mại 2005.

- Xét, Công ty E yêu cầu Công ty T thanh toán tiền lãi chậm trả của số tiền 155.682.000 đồng tạm tính tính từ ngày 01/05/2022 đến ngày 08/6/2023 với số tiền là 20.000.000 đồng theo mức lãi suất là 12%/năm:

Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền hàng còn thiếu nhưng đến nay Công ty T vẫn không thanh toán nên ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn nên. Việc nguyên đơn yêu cầu Công ty T trả tiền lãi suất chậm thanh toán là có cơ sở. Tòa án đã đã tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng công bố: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N T V N; Ngân hàng TMCP Bưu điện L V và Ngân hàng TMCP Á C là 12.7%/năm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 12%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chập nhận. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 175.682.000 đồng, trong đó nợ gốc là 155.682.000 đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 20.000.000 đồng.

- Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu do đó không có cơ sở xem xét.

- Về thời hạn thanh toán: Xét, Công ty E yêu cầu Công ty T thanh toán số nợ một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty T vi phạm thời hạn thanh toán đã lâu là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty E. Căn cứ Điều 55 Luật Thương mại yêu cầu của Công ty E là có cơ sở để chấp nhận.

[3]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của Công ty E được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí là 8.784.100 đồng

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.892.050 đồng cho Công ty E.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Dược phẩm E.

Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Dược phẩm E tổng số tiền là 175.682.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn) đồng; trong đó nợ gốc là 155.682.000 (một trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn) đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty cổ phần Dược phẩm E có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH T không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu án phí sơ thẩm là 8.784.100 (tám triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn một trăm) đồng.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 3.892.050 (ba triệu tám trăm chín mươi hai ngàn không trăm năm mươi) đồng cho Công ty cổ phần Dược phẩm E theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036732 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. X;
- Lưu VP, hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh H